| TÒA ÁN NHÂN DÂN<br>THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc |
|---|---|

Bản án số: **535**/2019/KDTM-PT
Ngày: 06-6-2019
V/v: Tranh chấp hợp đồng dịch vụ.

# NHÂN DANH
# NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

## TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

**Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Bùi Ngọc Anh**
Các thẩm phán: **Bà Lưu Thị Đoan Trang**
**Bà Trương Thị Thảo**

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: **Ông Trần Anh Tuấn-** Kiểm sát viên.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: **Bà Trịnh Ngọc Hân –** Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 6 tháng 6 năm 2019, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 54/2019/TLPT-KDTM ngày 05 tháng 3 năm 2019 về tranh chấp hợp đồng dịch vụ.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 329/2018/KDTM-ST ngày 19 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân Quận 1 Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1725/2019/QĐ-PT ngày 17 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* **Công ty TNHH dịch vụ bảo vệ TT**
Địa chỉ: 53/2 đường V, phườngV1, Quận V2, Thành phố Hồ Chí Minh.
Đại diện được ủy quyền: Ông Trần Quang T, sinh năm 1976.
Giấy ủy quyền ngày 08 tháng 4 năm 2019 *(có mặt)*

*Bị đơn:* **Tổng công ty A- CTCP**
**(tên cũ:Tổng công ty A – TNHH Một thành viên)**
Địa chỉ: Số 111A đường P, phường P1, Quận P2, Thành phố Hồ Chí Minh.
Đại diện được ủy quyền: Bà Đặng Thị Th, sinh năm 1984
Giấy ủy quyền số 591/TCT-TCPC ngày 22 tháng 4 năm 2019
*Bà Th có Đơn xin xét xử vắng mặt*

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

### I- Tóm tắt nội dung vụ án theo bản án sơ thẩm:

***1- Nguyên đơn trình bày:***

Công ty TNHH dịch vụ bảo vệ TT và Công ty C (là công ty trực thuộc của Tổng Công ty A – TNHH Một thành viên) ký Hợp đồng cung cấp dịch vụ bảo vệ số 130/02-

HĐDVBV -2009 ngày 01 tháng 02 năm 2009 và Phụ lục hợp đồng cung cấp dịch vụ bảo vệ số 130/09PLHĐ-HĐDVBV-2009 ngày 29 tháng 9 năm 2009 với nội dung: Công ty TNHH dịch vụ bảo vệ TT cung cấp dịch vụ bảo vệ làm việc tại Công trình cầu Phú Mỹ, phường Tân Phú, Quận 7.

Sau khi hoàn thành công việc bảo vệ thì hai bên đã lập Biên bản thanh lý hợp đồng số 01/11/2010 CVTT ngày 31 tháng 10 năm 2010 và Giấy xác nhận công nợ ngày 19 tháng 9 năm 2011.

Theo giấy xác nhận công nợ thì Công ty C còn nợ Công ty TNHH dịch vụ bảo vệ TT số tiền 233.316.730 đồng, thanh tóan trước ngày 30 tháng 9 năm 2011. Tuy nhiên, từ khi hai bên xác nhận công nợ, mặc dù nguyên đơn nhiều lần có văn bản nhắc nợ nhưng Công ty C cố tình không thực hiện việc thanh toán.

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền 541.303.813 đồng, gồm:

- Tiền phí bảo vệ là 233.316.730 đồng

- Tiền lãi phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ, tính từ ngày 15 tháng 11 năm 2010 đến ngày 15 tháng 11 năm 2018 (ngày xét xử sơ thẩm) theo lãi suất trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán, cụ thể:

233.316.730 đồng x 16.5% x 8 năm = 307.978.083 đồng.

***2- Bị đơn trình bày:***

Tổng Công ty A- TNHH Một thành viên không trực tiếp ký Hợp đồng cung cấp dịch vụ bảo vệ số 130/02-HĐDVBV -2009 ngày 01 tháng 02 năm 2009 với Công ty TNHH dịch vụ bảo vệ TT nên đề nghị Tòa án nhân dân Quận 1 xem xét các chứng cứ hợp pháp, hợp lệ để quyết định trong quá trình xét xử vụ án.

**II- Nội dung quyết định của bản án sơ thẩm như sau:**

*1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*

Tổng Cổng ty A – TNHH Một thành viên có trách nhiệm thanh toán cho Công ty TNHH dịch vụ bảo vệ TT số tiền 541.303.813 đồng (Năm trăm bốn mươi mốt triệu ba trăm lẻ ba nghìn tám trăm mười ba đồng) ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày Công ty TNHH dịch vụ bảo vệ TT có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Tổng Công ty A – TNHH Một thành viên chưa thi hành số tiền kể trên thì Tổng Công ty A – TNHH Một thành viên còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

*2. Bản án sơ thẩm cũng đã xác định nghĩa vụ chịu án phí, trách nhiệm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.*

**III- Kháng cáo:**

Đơn kháng cáo đề ngày 29-01-2019 của Tổng Công ty A – CTCP kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Lý do kháng cáo: Theo hợp đồng đã ký và chứng cứ chứng minh về công nợ thì bị đơn không phải là Chi nhánh Tổng công ty A-Công ty C. Những bằng chứng, chứng cứ mà Tòa án Quận 1 đưa ra chưa đủ căn cứ chứng minh người ký hợp đồng với Công

ty TT là Chi nhánh Tổng công ty A-Công ty C là đơn vị trực thuộc Tổng công ty A-CTCP.

**IV- Tại phiên tòa phúc thẩm:**

*Nguyên đơn trình bày:*

Nguyên đơn khởi kiện Tổng Công ty A – TNHH Một thành viên là đúng vì theo tài liệu mà Sở kế hoạch đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cung cấp thì ngày 23-3-2007 Công ty C được cấp đăng ký chuyển loại thành chi nhánh Tổng Công ty A – TNHH Một thành viên.

**IV- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm:**

- *Việc chấp hành pháp luật tố tụng*

Tòa án đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Các đương sự chấp hành đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- *Xét yêu cầu kháng cáo:*

Theo các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện Công ty C được Phòng đăng ký kinh doanh Sở kế hoạch đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp đăng ký chuyển loại thành chi nhánh của Tổng Công ty A- Công ty C theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh ngày 23-3-2007. Tổng Công ty A đã được chuyển đổi thành Tổng Công ty A – TNHH Một thành viên ngày 14-6-2012. Như vậy, nguyên đơn khởi kiện đúng đối tượng và có căn cứ.

Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015: Không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

## XÉT THẤY:

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; nghe ý kiến của đương sự; nghe ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] - Đơn kháng cáo của Tổng công ty A-CTCP ( tên cũ: Tổng Công ty A – TNHH Một thành viên) nộp trong thời hạn qui định của pháp luật nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] - Xem xét nội dung kháng cáo:

- Về công nợ:

Sau khi thực hiện Hợp đồng cung cấp dịch vụ bảo vệ số 130/02-HĐDVBV -2009 ngày 01 tháng 02 năm 2009 và Phụ lục hợp đồng cung cấp dịch vụ bảo vệ số 130/09PLHĐ-HĐDVBV-2009 ngày 29 tháng 9 năm 2009, các bên đã tiến hành lập Biên bản thanh lý hợp đồng số 01/11/2010 CVTT ngày 31 tháng 10 năm 2010 và Giấy xác nhận công nợ bổ sung ngày 19 tháng 9 năm 2011 nên có đủ căn cứ xác định Công

ty C còn nợ Công ty TNHH dịch vụ bảo vệ TT số tiền 233.316.730 đồng, thời hạn thanh tóan được các bên thỏa thuận là trước ngày 30 tháng 9 năm 2011.

Do Công ty C không thực hiện việc thanh toán nên nguyên đơn khởi kiện đòi phí dịch vụ và lãi phạt chậm thanh toán là có căn cứ được chấp nhận.

- Về tư cách pháp nhân của bị đơn:

Công ty C tổ chức lại và được Phòng đăng ký kinh doanh Sở kế hoạch đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp đăng ký chuyển loại thành chi nhánh của Tổng Công ty A- Công ty C theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 4116001023 ngày 23-3-2007.

Tổng Công ty A đã được chuyển đổi thành Tổng Công ty A – TNHH Một thành viên và được Phòng đăng ký kinh doanh Sở kế hoạch đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên ngày 14-6-2012 nên phải chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hoạt động của chi nhánh.

Ngày 01-11-2016, Tổng Công ty A – TNHH Một thành viên được đổi tên thành Tổng Công ty A-CTCP

Như vậy, thời điểm nguyên đơn khởi kiện là đúng đối tượng theo qui định của pháp luật.

[3] - ***Về án phí:***

- Án phí sơ thẩm: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên giữ nguyên mức án phí được xác định trong bản án sơ thẩm.

- Án phí phúc thẩm: Đương sự kháng cáo phải chịu án phí phúc thẩm.

[4] - Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị áp dụng Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015: Không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ.

*Vì các lẽ trên;*

*Căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015,*

*Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao,*

## QUYẾT ĐỊNH:

**1-** Không chấp nhận kháng cáo của Tổng Công ty A-CTCP (tên cũ: Tổng Công ty A – TNHH Một thành viên);

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 329/2018/KDTM-ST ngày 19 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân Quận 1 Thành phố Hồ Chí Minh về tranh chấp hợp đồng dịch vụ, cụ thể như sau:

Tổng Công ty A-CTCP (tên cũ: Tổng Cổng ty A – TNHH Một thành viên) có trách nhiệm thanh toán cho Công ty TNHH dịch vụ bảo vệ TT tổng số tiền là 541.303.813 đồng (Năm trăm bốn mươi mốt triệu ba trăm lẻ ba nghìn tám trăm mười ba đồng), phát sinh từ Hợp đồng cung cấp dịch vụ bảo vệ số 130/02-HĐDVBV -2009

ngày 01 tháng 02 năm 2009 và Phụ lục hợp đồng cung cấp dịch vụ bảo vệ số 130/09PLHĐ-HĐDVBV-2009 ngày 29 tháng 9 năm 2009, gồm:

- Tiền phí dịch vụ bảo vệ là 233.316.730 đồng

- Phạt chậm thanh toán là 307.978.083 đồng

**3)** Án phí:

3.1) Án phí sơ thẩm:

- Tổng Công ty A-CTCP (tên cũ: Tổng Cổng ty A – TNHH Một thành viên) phải chịu án phí là 25.652.153 đồng.

- Công ty TNHH dịch vụ bảo vệ TT được nhận lại tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 5.832.981 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AD/2011/05906 ngày 30-10-2012 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 1.

3.2) Án phí phúc thẩm:

Tổng Công ty A-CTCP (tên cũ: Tổng Cổng ty A – TNHH Một thành viên) phải chịu án phí phúc thẩm là 2.000.000 đồng, được trừ vào tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0007127 ngày 20-2-2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 1.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có qui định khác.

Việc thi hành án được thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Bản án này có hiệu lực pháp luật ngay.**

***Nơi nhận:***
- TAND TC;
- TAND cấp cao tại TP HCM;
- VKSND TP HCM;
- TAND Quận 1;
- Cục THADS TPHCM;
- Chi cục THADS Quận 1;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ (Hân).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Bùi Ngọc Anh**